

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TỪ VỰNG VA VIỆC DẠY - HỌC TỪ VỰNG ĐỐI VỚI SINH VIÊN HỌC VIỆN CÁN BỘ

ThS. Phạm Trí Cường^()*

1. Cơ sở lý luận về từ vựng

Tác giả Zimmerman (2007) khẳng định rằng từ vựng là một khối từ đóng vai trò tế bào được sử dụng trong việc xây dựng và nhận biết ý nghĩa của câu nói. Theo tác giả Gardener (2009, trích trong danh mục tham khảo của tác giả Adger, 2002), từ vựng không chỉ được hiểu trong phạm vi nghĩa của từ mà còn bao hàm cách thức từ vựng được kết cấu trong một ngôn ngữ cụ thể. Đó là cách người ta sử dụng và lưu trữ từ vựng, và cách họ học từ cũng như mối quan hệ giữa các từ, cụm từ, các nhóm từ và nhóm cụm từ.

Với khái niệm từ vựng là đơn vị nhỏ nhất dùng để giao tiếp, người học càng có nhiều từ vựng, thì họ có khả năng hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp, cụ thể là kỹ năng nói, nghe, đọc, và viết. Theo tác giả Adams và Collins (1977, trích trong danh mục tham khảo của tác giả Zimmerman, 2007), khi người học phát triển được vốn từ của mình thì họ có thể vẫn có thể hiểu được văn bản nhờ sự suy diễn nghĩa của những từ không biết trong những văn cảnh rõ ràng và đầy đủ

1.2. Thế nào là biết một từ vựng?

Biết một từ vựng là một khái niệm phức tạp, không đơn thuần chỉ là biết hay không biết. Nhà ngôn ngữ học Dale (1980, trích trong danh mục tham khảo của tác giả Taylor, 1990) chỉ ra rằng mức độ mà một người hiểu biết về từng từ vựng đơn lẻ có thể thay đổi từ mức độ chút ít cho đến nhiều, và bao hàm cả khái niệm định tính về từ vựng đó. Tác giả Dale đã đưa ra bảng mô tả mức độ hiểu biết từ vựng như sau:

- (1) Người học không có kiến thức gì về từ vựng đó

^(*) Phó Trưởng Khoa Đại cương, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

- (2) Người học có sự hiểu biết chung chung về từ vựng đó
- (3) Người học có kiến thức giới hạn về văn cảnh mà từ vựng đó được sử dụng
- (4) Người học có kiến thức căn bản về từ vựng đó, và có khả năng sử dụng trong những tình huống phù hợp
- (5) Người học có kiến thức sâu rộng về từ vựng đó, và có khả năng sử dụng trong nhiều tình huống từ đơn giản đến phức tạp

Việc hiểu biết một từ vựng bao gồm rất nhiều khía cạnh liên quan: nghĩa đen, nghĩa bóng, hình thức chữ viết, các hình thức biến tổ của từ, sự kết hợp mang tính tự nhiên của từ đó với những từ vựng khác, cách phát âm, cấu trúc cú pháp mà từ vựng đó kết hợp, cách hình thái từ, các sắc thái nghĩa khác nhau thể hiện qua những từ đồng nghĩa, ngược nghĩa, đồng âm (Nagy và Scott, 2000, trích trong danh mục tham khảo của tác giả Taylor, 1990).

Ví dụ, người học từ “listen” trong tiếng Anh cần phải nắm các loại kiến thức sau:

	Những thông tin người học cần phải nắm vững	Cụ thể
1.	Loại từ	Động từ / động từ có quy tắc
2.	Cách phát âm	/ˈlɪstn/ (trọng âm rơi vào vần thứ nhất)
3.	Các hình thức liên quan	Past simple: listened Past participle: listened Present participle: listening
4.	Nghĩa của từ trong ngôn ngữ thứ nhất	Nghe (nghe / lắng nghe / nghe theo / vâng lời)
5.	Một số ví dụ để hiểu rõ về cách dùng (sự kết hợp với từ khác / yếu tố ngữ pháp đi theo)	<ul style="list-style-type: none"> • What kind of music do you listen to? • She often does all the talking – I just sit and listen. Qua 2 ví dụ, người học nhận ra rằng nếu có thêm một yếu tố chỉ “ai” hay “cái gì” thì động từ “listen” có thêm một chữ “to”.
6.	Những từ cùng gốc	Listener (noun) Ex: regular listeners to a radio programme
7.	Những vấn đề khác (nếu có)	—

Một vấn đề nữa cần làm rõ là ranh giới giữa khái niệm “biết một từ vựng” và “biết sử dụng một từ vựng”. Theo tác giả McCarthy (1984, trích trong danh mục tham khảo của tác giả Adger, 2002), biết một từ vựng không nhất thiết phải đòi hỏi phải biết sử dụng từ vựng đó trong nhiều ngữ cảnh (hay văn cảnh) khác nhau. Trong khi đó, để sử dụng một từ vựng đòi hỏi phải nắm được từ vựng đó một cách đầy đủ và phải có trí nhớ tốt. Do vậy, tác giả Ellis (1994 trích trong danh mục tham khảo của tác giả Herrel, 2004) gợi ý việc dạy - học từ vựng phải kết hợp giữa biết một từ vựng và sử dụng một từ vựng.

Một vấn đề không kém quan trọng trong quá trình học từ vựng là thông tin ngữ pháp ẩn dấu trong từ vựng đó. Chính thông tin ở giác độ ngữ pháp sẽ giúp cho người học nắm bắt được sự tương tác giữa các từ trong một đơn vị mang nghĩa, gồm cụm từ, mệnh đề, câu. Đây là kết luận của nhiều tác giả khi nghiên cứu về việc học từ vựng như Wode (1989), Adger (2002), Taylor (1990). Các tác giả này khẳng định mối quan hệ giữa kiến thức về từ vựng học và cú pháp học.

1.3. Quá trình học một từ vựng tiếng Anh

Việc học từ vựng được định nghĩa là một quá trình tích lũy hay gộp nhặt một đơn vị từ vựng vào kho tàng từ vựng của người học, và quá trình này diễn ra từng bước và đòi hỏi phải có thời gian. Khái niệm “học một từ mới” đồng nghĩa với việc tích lũy những khía cạnh khác nhau về kiến thức liên quan đến từ vựng đó. Vấn đề không đơn giản chỉ là “Tôi biết từ đó / Tôi không biết từ đó”. Vấn đề là từng phần của một từ vựng phải được gia cố từ từ. Nhà ngôn ngữ học Nation (2005) nhận định: Chúng ta cần phải xem xét việc học một từ cụ thể nào đó là một quá trình mang tính tích lũy từ từ. Quá trình này được hình thành thông qua hàng loạt những lần tiếp xúc với từ vựng cần tích lũy. Tuy nhiên, việc dạy học thường chỉ tạo ra một hay hai cơ hội để người học có thể tiếp xúc với từ vựng cần học. Những lần gặp khác thường là do người học phải chủ động tạo ra, tiếp xúc thông qua đầu vào và đầu ra dựa trên ngữ nghĩa (đầu vào là việc đọc hay nghe và đầu ra là việc viết hay nói) và thông qua những hoạt động nhằm đem lại sự lưu loát và trôi chảy.

Thông thường, việc học một từ vựng mới trải qua các bước sau:

(1) Người học phải chú ý đến từ vựng mới như một yếu tố xa lạ. Bước này thường thể hiện qua việc học một bảng danh sách từ vựng (liệt kê theo số thứ tự tăng dần).

(2) Sau khi xác định một yếu tố là, người học phải để ý một cách có ý thức đến hình thức chữ viết của yếu tố lạ đó.

(3) Người học bắt đầu gắn hình thức chữ viết với ý nghĩa. Đây là giai đoạn cơ bản nhất của việc học một từ vựng, song việc gắn ý nghĩa với hình thức chữ viết chỉ là khía cạnh khởi đầu của quá trình học từ vựng. Bước này cần được củng cố và nâng cao thông qua việc tiếp xúc từ vựng đó trong nhiều ngữ cảnh khác nhau nhằm phát triển một mức độ sâu hơn và đầy đủ hơn kiến thức liên quan đến từ vựng đó, bao gồm sự kết hợp từ đó với những từ vựng khác trong một câu trong những ngữ cảnh khác nhau, các biến tố của từ, nghĩa rộng hay nghĩa bóng của từ, tính trang trọng, tần xuất sử dụng và một số hạn chế của từ trong quá trình sử dụng.

Qua việc tổng kết một số quan điểm của các tác giả về việc định nghĩa khái niệm cũng như quy trình học từ vựng, tôi nhận thấy các tác giả có những điểm cơ bản giống nhau, cụ thể là:

- Từ vựng đóng vai trò then chốt trong việc tiếp thu và sử dụng có hiệu quả một ngôn ngữ nhằm mục đích giao tiếp (thông thường và chuyên môn);
- Việc học từ vựng không chỉ là biết nghĩa của từ đó một cách độc lập; quá trình học từ vựng bao gồm việc tiếp thu nhiều khía cạnh khác nhau liên quan đến từ vựng đó;
- Bên cạnh ngữ nghĩa, người học còn cần phải nhận biết được sự tương tác của từ đó với những từ vựng khác (từ thuộc lớp từ ngữ nghĩa và từ thuộc lớp từ chức năng);
- Để nhớ và sử dụng được một từ vựng, người học cần phải tiếp xúc từ đó rất nhiều lần và trong những ngữ cảnh khác nhau.

2. Những vấn đề thường gặp trong việc học từ vựng của sinh viên Học viện Cán bộ

Qua việc trực tiếp giảng dạy các học phần tiếng Anh giao tiếp và tiếng Anh chuyên ngành đối với các lớp cử nhân chính quy Khoá I, II, III và IV tại Học viện Cán bộ, tôi nhận thấy một số vấn đề có tính chung liên quan đến việc học (để biết và sử dụng) từ vựng tiếng Anh sau:

Một là, phần lớn sinh viên chỉ quan tâm đến nghĩa tương đương của một từ vựng mới trong ngôn ngữ thứ nhất (còn gọi là tiếng Mẹ đẻ). Khi sinh viên được yêu cầu tìm hiểu nghĩa bằng việc tra cứu tự điển, họ chỉ tìm từ vựng đó trong tự điển điện tử miễn phí (những app tự điển như TFLAT, Lacviet, ...). Các tự điển này là tự điển song ngữ ANH-VIỆT, do vậy họ chỉ quan tâm đến nghĩa tiếng Việt. Từ vựng tiếng Anh có thể cùng một hình thức chữ viết nhưng lại là những loại từ khác nhau. Và ngay cả khi là trong một loại từ, từ vựng tiếng Anh còn có thể mang nhiều nghĩa khác nhau tùy vào những chủ đề hay ngữ cảnh của câu văn hoặc đoạn văn (semantic contexts). Kết quả là nghĩa tiếng Việt họ tìm thấy (một cách máy móc và thiếu sự tìm hiểu cần thiết) không phù hợp, thậm chí không liên quan gì đến nghĩa mà từ vựng đó xuất hiện trong văn bản đang tìm hiểu.

Hai là, phần lớn sinh viên không quan tâm đến việc phát âm (đúng) từ vựng. Họ chỉ đọc một cách “đại khái” nếu như được yêu cầu. Họ đọc không đúng các nguyên âm, các phụ âm và đặc biệt là không đúng trọng âm của những từ đa vần. Kết quả dẫn đến là sự trục trặc trong giao tiếp dưới dạng NGHE – NÓI. Ngoài ra, nếu không phát âm đúng, hoặc không phát âm được thì khả năng nhớ và sử dụng từ vựng đó gần như không có.

Ba là, phần lớn sinh viên không quan tâm tìm hiểu các loại từ có liên quan đến từ đang tìm hiểu. Rất nhiều sinh viên còn không hiểu việc học các hình thức từ liên quan một từ gốc để làm gì cũng như không nhận diện được các loại từ với nhau. Đây là lý do sinh viên không thể phát triển khả năng xây dựng câu cơ bản để biểu đạt ý kiến của mình.

Bốn là, phần lớn sinh viên không dành thời gian để đọc, mà trước hết là đọc từ những câu riêng lẻ (thông qua việc làm bài tập rèn luyện từ vựng và áp dụng các điểm ngữ pháp) đến những đoạn văn trong các giáo trình sử dụng chính thức trong chương trình cử nhân của các học phần 1,2,3,4 và 5. Việc đọc (đi đọc lại) là một phương pháp đã được chứng minh bởi các nhà ngôn ngữ rằng giúp người học ghi nhớ và sử dụng được từ vựng của một ngôn ngữ.

3. Một số đề xuất đối với việc dạy - học từ vựng Tiếng anh tại Học viện Cán bộ

3.1. Đối với sinh viên

Không có phương pháp học nào là hiệu quả tuyệt đối đối với tất cả mọi người. Tuy nhiên, xuất phát từ những cơ sở lý luận của những nhà nghiên cứu về ngôn ngữ, tôi đề xuất một số việc mà sinh viên cần làm để học từ vựng tiếng Anh nói riêng và học tiếng Anh nói chung một cách hiệu quả.

Một là, sinh viên cần phải tập một thói quen về nhận thức rằng học một từ mới không chỉ là biết nghĩa của từ mới đó; sinh viên cần phải tìm hiểu và học nhiều khía cạnh của một từ vựng như đề cập ở phần thứ nhất.

Hai là, sinh viên cần phải tạo cho bản thân một thói quen học từ vựng theo một trật tự sau:

- (1) Phải nỗ lực đọc cho được từ mới đó với mức độ đúng tương đối so với chuẩn về các vần và trọng âm của từ. Chuẩn đây được hiểu là trước hết cố gắng nhìn vào phần phiên âm của từ và đọc theo. Sau đó, so sánh cách đọc của mình với một phiên bản đạt chuẩn – đó là sự phát âm của thầy cô phụ trách môn học học phần đọc được ghi âm trong các tự điển. Hiện nay, các tự điển miễn phí trực tuyến đều có phần phát âm giọng chuẩn của người nói tiếng Anh là ngôn ngữ thứ nhất.
- (2) Trước khi tìm hiểu nghĩa của từ mới, sinh viên cần xác định (với sự giúp đỡ của giảng viên hoặc một ai đó có kiến thức chuyên môn hoặc chính bản thân sinh viên) loại từ của từ vựng đó trong ngữ

cảnh. Trên cơ sở đó, sinh viên tìm nghĩa thích hợp của từ đó trong tự điển với loại từ tương thích.

- (3) Sinh viên cần nỗ lực tạo một thói quen học một từ vựng mới trong sự kết hợp với một từ khác hoặc trong một câu cụ thể có mang một thông điệp nghĩa rõ ràng. Việc này có thể làm được thông qua việc đọc và ghi nhớ một vài ví dụ liên quan từ vựng mới đó trong tự điển.
- (4) Sinh viên phải tự tạo cho mình một môi trường để sử dụng từ vựng mới. Có nhiều cách để làm việc này. Sinh viên có thể tự nói chuyện với bản thân, tự đóng vai, hay kết hợp với một hay nhiều người bạn cùng học chung. Sinh viên cần chủ động tham gia các hoạt động nhóm trong và ngoài môi trường lớp học.

3.2. Đối với người dạy

Người dạy được xác định là người giúp đỡ người học (**facilitator**) để họ đạt được mục tiêu học tập của mình. Do vậy, người dạy cần làm một số việc sau:

- (1) Giúp sinh viên nhận thức và hiểu được các vấn đề liên quan đến việc học một từ mới trong tiếng Anh;
- (2) Phải là người phát âm chuẩn. Chúng ta không đặt ra yêu cầu rằng người dạy phải phát âm chuẩn như người sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ thứ nhất. Chuẩn ở đây được hiểu là người dạy phải phát âm đúng tương đối các nguyên âm, các phụ âm, nhóm phụ âm, và đặc biệt là phát âm các âm cuối. Chính những phụ âm cuối là một yếu tố quan trọng giúp nhận biệt từ này với từ khác có cùng nguyên âm. Lấy ví dụ những từ sau: FIRE / FINE / FIND / FIGHT / FIVE. Năm từ này có chung phụ âm đầu và phần nguyên âm kép /**fai**__/. Các phụ âm cuối của năm từ này khác nhau.
- (3) Người dạy cần xây dựng các bài tập hay nhiệm vụ (Task-based Activities) cho sinh viên, qua đó, sinh viên phải sử dụng nhiều lần những từ vựng được trình bày trong một buổi học và sử dụng lại

các từ vựng đó trong các buổi học tiếp theo. Chính sự lặp lại này là điều kiện để giúp sinh viên nhớ và sử dụng được từ vựng tiếng Anh.

- (4) Người dạy cần khuyến khích sinh viên đọc nhiều. Sinh viên có thể từ tìm tài liệu để đọc; nhưng tốt hơn nếu có sự giới thiệu và giúp đỡ từ giảng viên trong việc chọn tài liệu (sách giáo khoa, sách tham khảo, truyện, v.v..)

4. Kết luận

Việc học và sử dụng tiếng Anh thành công trước hết phụ thuộc rất nhiều vào việc học và sử dụng đúng từ vựng. Tuy không có những phương pháp nào là duy nhất cho tất cả mọi người, song những cơ sở lý luận về chủ ý để học từ vựng sẽ là cơ sở để mỗi chúng ta xây dựng cho riêng mình một phương pháp học tập hiệu quả nhất./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adger, C.T. (2002). What teachers need to know about language. McHenry, IL: Center for Applied Linguistics.
2. Adams, M. J., & Collins, A. A Schema-Theoretic View of Reading Comprehension, April 1977.
3. Dale, E. (1981). The living word vocabulary. Chicago: World Book/Childcraft International.
4. Dale, Edgar. (1980), *Techniques of Teaching Vocabulary*. Palo Alto, CA: Field Educational Publications.
5. Ellis, N. (1994). Vocabulary acquisition: The implicit ins and outs of explicit cognitive mediation. In N. C. Ellis (Ed.), *Implicit and explicit learning of languages* (pp. 211-282). London: Academic Press.
6. Gardner, D. (2007). Validating the construct of word in applied corpus-based vocabulary research: A critical survey. *Applied Linguistics*, 28(2), 241-265.
7. Herrel. A.L. (2004). Fifty strategies for teaching English language learners. An ESL teacher's tool kit. 2nd ed. Winnipeg, Canada. Penguin Publishers.
8. Hill, David R. "Setting up an Extensive Reading Programme: Practical Tips". *The Language Teaching Online*. 7 May 2007.

9. McCarthy, M. J. (1984). A new look at vocabulary in EFL. *Applied Linguistics*, 5, 12-22.
10. Miller, G. A. (1999). On knowing a word. *Annual Review of Psychology*, 50(1), 1-19. doi: 10.1146/annurev.psych.50.1.1
11. Nagy, William E. (2000), "The Futility of Most Types of Vocabulary Instruction", paper presented as part of the symposium "What Is the Role of Instruction in Learning and Using Vocabulary?",
12. Nation, I.S.P. (2005). *Learning vocabulary in another language*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
13. Nation, P. (2005). "The Language Learning Benefits of Extensive Reading".
14. Taylor, L. (1990). *Teaching and learning vocabulary*. Herefordshire, UK: Prentice Hall international.
15. Taylor, L. (1990). *Teaching and learning vocabulary*. Herefordshire, UK: Prentice Hall international.
16. Wode , H. 1989. *Incidental vocabulary acquisition in the foreign language classroom*. *Studies in Second Language Acquisition*
17. Zimmerman, C.B. (2007). *Vocabulary learning methods*. Cambridge Massachusetts: Harvard University Press.